TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số:**1062**/2022/QĐ-PQTT	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 07 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
VỀ VIỆC HỦY PHÁN QUYẾT TRỌNG TÀI

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với Hội đồng xét đơn yêu cầu gồm có:

Thẩm phán, Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung

Các Thẩm phán: Ông Đào Quốc Thịnh

Bà Phùng Thị Như Mai

Thư ký ghi biên bản phiên họp: Ông Phạm Ngọc Tâm

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Trương Thị Hồng Hoa, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã tiến hành phiên họp giải quyết việc dân sự thụ lý số 71/2022/KDTM-ST ngày 25 tháng 5 năm 2022 về việc: "Yêu cầu hủy phán quyết trọng tài" theo Quyết định mở phiên họp số 7439/2022/QĐ-MPH ngày 16 tháng 6 năm 2022.

- *Người yêu cầu*:

Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Du lịch quảng cáo khách sạn T - Đại diện theo pháp luật công ty bà Trần Thị BV chức danh Giám đốc – Địa chỉ trụ sở: Số 406/8 đường U, Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn CH - Sinh năm 1956 theo Giấy ủy quyền được lập ngày 11/7/2022 - Địa chỉ: 55-57 đường N, phường Đ, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Công ty Cổ phần Địa ốc P - Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô QP - Chức danh Tổng giám đốc - Địa chỉ trụ sở: Số 55 đường T, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị NH, bà Nguyễn TY, ông Nguyễn Lê BD theo Giấy ủy quyền số 06/06/2022/UQ-PD được lập ngày 15/6/2022 - Số 55 đường T, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự có mặt tại phiên họp.

NHẬN THẤY:

Theo đơn yêu cầu ngày 23/01/2022 và ngày 26/3/2022 của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Du lịch quảng cáo khách sạn T (Sau đây gọi tắt là Công ty T) trình bày như sau:

Công ty T và Công ty Cổ phần Địa ốc P (Sau đây gọi tắt là Công ty P) cùng ký Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 06/06/2019 ngày 06/6/2019 về việc góp vốn hợp tác đầu tư dự án chung cư cao tầng kết hợp thương mại, dịch vụ, văn phòng trên thửa đất số 161-163-164, tờ bản đồ duy nhất tại Phường 25, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.Tổng giá trị đầu tư vào dự án là: 710.000.000.000 đồng, trong đó: Công ty T góp bằng toàn bộ quyền sử dụng đất của thửa đất 161-163-164, định giá vào thời điểm ký hợp đồng là 605.500.000.000 đồng, tương đương 85,28% tổng giá trị vốn góp. Công ty P góp bằng tiền để mua một lô đất, chuyển mục đích sử dụng đất, chi phí pháp lý, chi phí hỗ trợ làm đường D5 và đường 12m với tổng giá trị tạm tính 104.500.000.000 đồng, tương đương 14,72% tổng giá trị vốn góp. Cho đến thời điểm này, Công ty P đã chuyển cho Công ty T số tiền 57.000.000.000 đồng. Số tiền này hai bên đều đã xác nhận. Lợi nhuận được phân chia theo tỷ lệ góp vốn của mỗi bên trên tổng giá trị vốn góp là 710.000.000.000 đồng. Nhưng bảo đảm tỷ lệ lợi nhuận ròng trên phần vốn góp của Công ty P thấp nhất là 15% trên tổng giá trị vốn góp.

Theo khoản 2.3 Điều 2 Hợp đồng quy định trách nhiệm của các bên như: Công ty T có trách nhiệm thực hiện toàn bộ thủ tục pháp lý theo quy định của pháp luật. Công ty P là đơn vị phân phối độc quyền toàn bộ sản phẩm của dự án ra thị trường thay cho Công ty T. Thời hạn hợp tác bắt đầu kể từ ngày Hợp đồng này được ký kết giữa các Bên cho đến khi công trình được nghiệm tthu hoàn thành, cho phép đưa vào sử dụng và cấp giấy chứng nhận cho khách hàng. Thời hạn có thể thay đổi theo sự thỏa thuận của các bên bằng các văn bản chính thức.

Từ tháng 01/2020 hai bên phát sinh tranh chấp Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 06/06/2019/HĐHT ngày 06/6/2019 nên Công ty T khởi kiện yêu cầu:

1. Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 06/06/2019 ngày 06/6/2019 bị vô hiệu toàn bộ do Công ty T không có pháp lý về năng lực pháp luật dân sự căn cứ vào Điều 18, khoản 2 và khoản 3 Điều 19 Nghị định 99/2015/NĐ-CP và khoản 2 Điều 69, điểm d khoản 1 Điều 68 Luật Nhà ở năm 2014 quy định không có giá trị pháp lý thực hiện.

2. Công ty T xin hoàn trả số tiền 57.000.000.000 đồng (Năm mươi bảy tỷ đồng) cho Công ty P.

3. Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 06/06/2019 ngày 06/6/2019 bị vô hiệu toàn bộ do vi phạm điều cấm của pháp luật căn cứ vào Điều 18, khoản 2 và khoản 3 Điều 19 Nghị định 99/2015/NĐ-CP và khoản 2 Điều 69, điểm d khoản 1 Điều 68 Luật Nhà ở năm 2014 quy định không có giá trị pháp lý thực hiện.

4. Công ty T xin hoàn trả số tiền 40.000.000.000 đồng *(Bốn mươi tỷ đồng)* cho Công ty P.

5. Công ty T không yêu cầu Hội đồng Trọng tài giải quyết tranh chấp Thỏa thuận số 01/2019/TTHT/PDC-CND ngày 21/01/2019.

Ngày 04/01/2022 Trung tâm Trọng tài Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây viết tắt là TRACENT) đã ban hành Phán quyết số: 01/2022/PQ-TT với quyết định:

1. Không chấp nhận Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 06/06/2019/HĐHT vô hiệu toàn bộ theo yêu cầu của Công ty T.

2. Không chấp nhận yêu cầu của Công ty T, đó là hoàn trả số tiền 40.000.000.000 đồng (Bốn mươi tỷ đồng) cho Công ty P.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu của Công ty P. Buộc Công ty T phải trả cho Công ty P số tiền 127.053.357.218 đồng (Một trăm hai mươi bảy tỷ không trăm năm mươi ba triệu ba trăm năm mươi bảy ngàn hai trăm mười tám đồng), bao gồm:

- Số tiền Công ty P đã chuyển cho Công ty T để góp vào Dự án là 57.000.000.000 đồng (Năm mươi bảy tỷ đồng).

- Tiền lãi là 22.453.972.603 đồng (Hai mươi hai tỷ bốn trăm năm mươi ba triệu chín trăm bảy mươi hai ngàn sáu trăm lẻ ba đồng).

- Bồi thường thiệt hại do sự chênh lệch giá trị của dự án mà Công ty P được hưởng theo quy định tại Điều 302, Điều 303 Luật Thương mại; Điều 360, Điều 419 Bộ Luật Dân sự trên số tiền Công ty P đã chuyển giao cho Công ty T là 47.599.384.615 đồng (Bốn mươi bảy tỷ năm trăm chín mươi chín triệu ba trăm tám mươi bốn ngàn sáu trăm mười lăm đồng).

4. Phí trọng tài được phân bổ như sau:

4.1. Công ty P chịu phí trọng tài với số tiền 165.717.741 đồng (Một trăm sáu mươi lăm triệu bảy trăm mười bảy ngàn bảy trăm bốn mươi mốt đồng). Công ty P đã nộp đủ theo Thông báo của Tracent.

4.2. Công ty T chịu phí trọng tài với số tiền 1.044.772.847 đồng (Một tỷ không trăm bốn mươi bốn triệu bảy trăm bảy mươi hai ngàn tám trăm bốn mươi

bảy đồng) bao gồm phần yêu cầu (đã đóng đủ phí trọng tài cho Tracent) và phần yêu cầu chấp nhận cho Công ty P. Như vậy, Công ty T phải thanh toán lại phí trọng tài cho Công ty P với số tiền 524.772.847 đồng (Năm trăm hai mươi bốn triệu bảy trăm bảy mươi hai ngàn tám trăm bốn mươi bảy đồng).

5. Như vậy, Công ty T phải thanh toán cho Công ty P theo Mục 3 và Mục 4.2 của Phần V Quyết định này với số tiền là 127.578.130.065 đồng (Một trăm hai mươi bảy tỷ năm trăm bảy mươi tám triệu một trăm ba mươi ngàn không trăm sáu mươi lăm đồng), trả một lần ngay sau khi Phán quyết có hiệu lực.

6. Trường hợp Công ty T chậm thanh toán, Công ty T phải tiếp tục thanh toán tiền lãi do chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ Luật Dân sự năm 2015, với mức lãi suất 10%/năm, tương ứng với số tiền chậm trả và thời gian chậm trả.

Không đồng ý với phán quyết trên, ngày 25/02/2022 Công ty T nộp đơn yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tuyên hủy phán quyết trên vì:

1. *Về thủ tục tố tụng trọng tài:*

- Công ty T khẳng định chỉ khởi kiện yêu cầu Hội đồng trọng tài giải quyết tranh chấp đối với Hợp đồng Hợp tác số 06/06/2019/HĐHT ngày 06/06/2019 mà không yêu cầu giải quyết Thỏa thuận hợp tác số 01/2019/TTHT/PGD-CND và chỉ yêu cầu giải quyết đối với số tiền 40.000.000.000 đồng.

- Trong quá trình giải quyết vụ việc, Hội đồng Trọng tài thuộc Trung tâm Trọng tài Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh không đưa ông Lê TT (là chủ sử dụng hợp pháp đối với đất có diện tích 5.927,2m^2 thuộc thửa đất số 406, Tờ bản đồ số 64 tọa lạc tại đường Ung Văn Khiêm, Phường 25, quận Bình Thạnh,TP.Hồ Chí Minh) vào tham gia tố tụng với tư cách là người liên quan trực tiếp cùng với nguyên đơn, do Bị đơn (Công ty P) đã kiện lại nguyên đơn (Công ty T) trong vụ việc mà Trung tâm Trọng tài Thương mại thụ lý giải quyết.

- Việc Trung tâm Trọng tài giải quyết vắng mặt phía Công ty T dù Công ty T đã đề nghị được hoãn phiên họp với lý do chính đáng nhưng không được chấp nhận, đã xâm phạm nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty T.

2. Phán quyết trọng tài số 01/2022/PQ-TT ngày 04/01/2022 trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam:

- Tại thời điểm ký Hợp đồng hợp tác đầu tư số 06/06/2019/HĐHT ngày 06/06/2019 giữa Công ty T với Công ty P góp vốn bằng quyền sử dụng đất, thì quyền sử dụng đất mà hai bên đưa vào để hợp tác đầu tư tại Hợp đồng trên đang thuộc quyền sử dụng của ông Lê TT chứ không thuộc quyền sử dụng của Công ty T. Do tại thời điểm ký Hợp đồng trên ông Tới vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính (bao gồm chưa nộp các loại thuế, phí và tiền sử dụng đất) thể hiện rõ việc

ghi nợ nghĩa vụ tài chính tai Phần IV của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM569084 cấp ngày 27/8/2018 và các tài liệu khác có liên quan.

- Do vậy, theo quy định trên thì pháp luật không cho phép ông Lê TT thực hiện các quyền nêu trên (trong đó có quyền góp vốn bằng quyền sử dụng đất), nhưng ông Tới đã ký hợp đồng góp vốn bằng quyền sử dụng đất với Công ty T (Hợp đồng số 04/HĐ ngày 15/8/2005) và lại ủy quyền cho Công ty T (Phụ lục hợp đồng số 05/HĐ ngày 20/5/2019) thực hiện các quyền của người sử dụng đất để ký Hợp đồng hợp tác đầu tư số 06/06/2019/HĐHT ngày 06/6/2019 với Công ty P góp vốn bằng quyền sử dụng đất. Đây là những hành vi mà pháp luật không cho phép, vi phạm điều cấm của pháp luật và giao dịch này là giao dịch dân sự vô hiệu theo quy định tại các Điều 117, Điều 122, Điều 123 Bộ luật Dân sự năm 2013.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có bà Nguyễn Thị NH, bà Nguyễn TY, ông Nguyễn BD đại diện Công ty Cổ phần Địa ốc P (Sau đây gọi tắt là Công ty P) trình bày:

Đối với yêu cầu và các căn cứ yêu cầu hủy phán quyết trọng tài của Công ty T, Công ty P có một ý kiến như sau:

- Công ty P đã có đơn phản tố về việc yêu cầu Hội đồng trọng tài buộc Công ty T phải hoàn trả cho Công ty P toàn bộ số tiền Công ty P đã góp là 57.000.000.000 đồng, tiền lãi và khoản bồi thường thiệt hại. Vì vậy Trọng tài giải quyết là đúng.

- Ngày 26/10/2021 Hội đồng trọng tài, Trung tâm Trọng tài Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh phát hành giấy triệu tập phiên họp giải quyết tranh chấp vụ tranh chấp thụ lý số 11/2020-HSTL triệu tập các bên là Công ty T và Công ty P tham dự phiên họp giải quyết tranh chấp Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 06/06/2019/HĐHT ngày 06/06/2019 vào lúc 8 giờ 30 phút, ngày 09 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Trung tâm Trọng tài Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh.
Ngày 30/11/2021 Công ty T có đơn xin phản đối phiên họp trực tiếp giải quyết tranh chấp Hợp đồng hợp tác đầu tư số 06/06/2019 ngày 06/6/2019 tại Trung tâm trọng tài thương mại Thành phố Hồ Chí Minh: Lý do phiên họp trực tiếp chưa tuân thủ quy định phải đảm bảo sức khỏe, tính mạng của người tham gia tố tụng trong vụ kiện dân sự tranh chấp giữa Công ty T và Công ty P thực hiện theo chỉ đạo Công văn số 365/TANDTC-VP ngày 21/10/2021 của Tòa án Nhân dân Tối cao Ban hành về tiếp tục phòng, Chống dịch bệnh Covid-19 trong ngành tòa án.

Tuy nhiên văn bản xin phản đối phiên họp trực tuyến ngày 31/11/2021 của Công ty T, Công ty T không yêu cầu hoãn phiên họp giải quyết mà chỉ đưa ra

phản đối tham gia phiên họp trực tiếp. Việc Công ty T vắng mặt không có lý do chính đáng thì bị coi là rút đơn khởi kiện, Hội đồng trọng tài tiếp tục giải quyết theo đơn kiện lại của Công ty P. Ngày 10/12/2021 Hội đồng Trọng tài đã có thông báo số 63/TB-TT về việc phiên họp giải quyết tranh chấp ngày 09/12/2021, trong đó có nội dung: *"Sau khi xem xét đơn phản đối kèm theo các tài liệu của nguyên đơn, căn cứ Điều 56 và Điều 57 Luật trọng tài Thương mại, Điều 32 quy tắc tố tụng của Tracent, Quyết định số 3900/QĐ-UBND ngày 16/11/2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc quy định tạm thời các biện pháp "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19" trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng Trọng tài tiếp tục tiến hành phiên họp giải quyết tranh chấp với sự vắng mặt của nguyên đơn".* Hội đồng trọng tài mở phiên họp và giải quyết tranh chấp khi không có mặt của Công ty T đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

- Hợp đồng hợp tác đầu tư số 06/06/2019/HĐHT ngày 06/6/2019 giữa Công ty T và Công ty P đã theo đúng hình thức và nội dung của Hợp đồng hợp tác kinh doanh (Hợp đồng BCC) được quy định tại Điều 3 khoản 9, Điều 28 và Điều 29 của Luật Đầu tư. Nội dung Hợp đồng được ký kết trên cơ sở quyền của doanh nghiệp được quy định tại Điều 7 Luật Doanh nghiệp. Toàn bộ nội dung Hợp đồng hợp tác đầu tư số 06/06/2019/HĐHT ngày 06/6/2019 không có điều khoản nào vi phạm điều cấm của luật, không có điều khoản nào vi phạm đạo đức xã hội. Tại phán quyết số 01/2022/PQ-TT ngày 04/01/2022 Hội đồng trọng tài cho rằng các thỏa thuận của hai bên trong hợp đồng là căn cứ Luật Đầu tư, Luật Kinh doanh Bất động sản và Luật Dân sự, Luật Nhà ở chỉ áp dụng khi sử dụng và huy động vốn của khách hàng. Công ty P là một đối tác hợp tác đầu tư dự án chứ không phải khách hàng của Công ty T là có cơ sở.

- Đối với tiền lãi 22.453.972.603 đồng mà Công ty T phải trả cho Công ty P dựa trên cơ sở thỏa thuận tại Điều 8.3 của Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 06/06/2019/HĐHT ngày 06/6/2019 trường hợp thanh lý, Bên A (Công ty T) phải trả lại cho Bên B (Công ty P) toàn bộ số tiền Bên B đã góp vốn tính tới thời điểm thanh lý và tiền lãi phát sinh trên số tiền Công ty P chuyển tiền cho Bên A với lãi suất cố định là 15% tính từ ngày Bên B chuyển tiền đến ngày Bên A thực trả cho Bên B. Đối với khoản tiền bồi thường thiệt hại do sự chênh lệch giá trị của dự án mà Công ty P được hưởng tương đương với số tiền 47.599.384.615 đồng.

- Trong quá trình thực hiện Hợp đồng sau khi Công ty P thực hiện thanh toán tổng số tiền 57tỷ đồng tương ứng với Đợt 1 (17tỷ đồng ngày 21/01/2019 và Đợt 2 (40tỷ ngày 06/06/2019) cho Công ty T, ngày 07/06/2019 Công ty T đã dụng số tiền góp vốn của Công ty P để thực hiện việc đóng tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ đối với thửa đất số 406, tờ bản đồ số 64 tại Phường 25, quận Bình Thạnh,

Thành phố Hồ Chí Minh để được cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (căn cứ Phiếu tiếp nhận và trả kết quả số 2692012019002569 ngày 07/06/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai quận Bình Thạnh và giấy xác nhận ngày 07/06/2019 của Kho bạc Nhà nước Bình Thạnh). Ngày 21/11/2019, Ông Lê TT đã được Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (thửa đất 406 tờ bản đồ 64) diện tích 5927,2 m^2. Nhưng qua hơn 30 ngày, Công ty T vẫn chưa làm thủ tục góp vốn bằng khu đất này vào Công ty T và không thông báo cho Công ty P. Do đó, Công ty T đã vi phạm nghĩa vụ tại điểm a khoản 2.3 Điều 2 Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 06/06/2019 ngày 06/6/2019 Công ty Cổ phần Địa ốc P. Ngày 24/02/2020, sau hơn 03 tháng Công ty T phát hành thông báo gửi Công ty P xác định tính pháp lý của Hợp đồng Hợp tác đầu tư 06/06/2019/HĐHT ký ngày 06/6/2019 đã hết hạn và chấm dứt thực hiện kể từ ngày 01/01/2020. Ngày 24/02/2020, Công ty T có văn bản đề xuất đến Công ty P giá chuyển nhượng dự án là 1.100 tỷ đồng. Nếu Công ty T chọn phương án đấu giá thì giá khởi điểm chuyển nhượng là 1.300 tỷ đồng. Như vậy, sau khi được cấp giấy chứng nhận, Công ty T đã đi định giá đối với khu đất nêu trên và đưa ra đề xuất Công ty P giá chuyển nhượng dự án trong khi Hợp đồng hợp tác đang có hiệu lực đối với hai bên.

- Tại phiên làm việc ngày 13/5/2021 tại TRACENT, đại diện Công ty T và đại diện Công ty P thống nhất giá trị Dự án hiện nay là 1.300 tỷ đồng. Hai bên không có yêu cầu định giá lại.

- Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 06/06/2019/HĐHT ngày 06/6/02019 đã căn cứ vào Luật Kinh Doanh bất động sản, Luật Đầu tư và Bộ Luật Dân sự, tham chiếu các bộ luật trên và các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng thì hợp đồng này không hết hạn và không chấm dứt thực hiện kể từ ngày 01/01/2020 như ý kiến của Công ty T tại thông báo ngày 24/02/2020.

Tại phiên họp hôm nay, người yêu cầu vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình. Người có quyền, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Qua kiểm sát vụ việc từ khi thụ lý đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền giải quyết vụ việc, Tòa án có quyết định mở phiên họp và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp và tống đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng mở phiên họp: Tại phiên họp hôm nay, phiên họp tiến hành đúng trình tự pháp luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Phán quyết Trọng tài số 01/2022/PQ-TT ngày 04 tháng 01 năm 2022 đã vi phạm thủ tục tố tụng trọng tài vì tại phán quyết xác định nguyên đơn vắng mặt dù đã được tống đạt hợp lệ, trong trường hợp này lẽ ra phải xem nguyên đơn từ bỏ quyền khởi kiện của minh nhưng phán quyết của Trọng tài vẫn xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bên cạnh đó, các bên góp vốn là quyền sử dụng đất nhưng phía ông Tới chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính là vi phạm Điều 168 Luật Đất đai năm 2013, Phán quyết đã vi phạm nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam. Đề nghị hội đồng xét đơn Hủy Phán quyết trọng tài số 01/2022/PQ-TT ngày 04/01/2022 của Hội đồng trọng tài thuộc Trung tâm Trọng tài Thương mại TP.Hồ Chí Minh.

XÉT THẤY:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết*: Đây là việc dân sự về yêu cầu kinh doanh thương mại liên quan đến việc Trọng tài thương mại Việt Nam giải quyết tranh chấp, nơi Hội đồng trọng tài tuyên phán quyết trọng tài là Thành phố Hồ Chí Minh, do đó, căn cứ theo quy định tại Khoản 2 Điều 31, Điểm b Khoản 1 Điều 37, Điểm o Khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 2, Khoản 3 Điều 7 Luật Trọng tài thương mại năm 2010, yêu cầu này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] *Về thời hiệu*: Ngày 04 tháng 01 năm 2022 là ngày công bố Phán quyết Trọng tài số 01/2022/PQ-TT, ngày 27/01/2022 Công ty T nộp đơn yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh hủy phán quyết trọng tài là còn trong thời hạn theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 Luật Trọng tài Thương mại.

[3] *Về nội dung*:

[3.1] Xét Công ty T đề nghị hủy Phán quyết trọng tài số 01/2022/PQ-TT ngày 04/01/2022 của Hội đồng trọng tài thuộc Trung tâm Trọng tài Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh vì không đưa ông Lê TT (là chủ sử dụng hợp pháp đối với đất có diện tích 5.927,2m^2 thuộc thửa đất số 406, Tờ bản đồ số 64 tọa lạc tại đường Ung Văn Khiêm, Phường 25, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh) vào tham gia tố tụng với tư cách là người liên quan. Xét thấy, trong quá trình giải quyết tại Trung tâm Trọng tài, các bên không yêu cầu đưa ông Lê Tân Tới vào tham gia tố tụng. Do đó, Hội đồng trọng tài đã không đưa ông Tới vào tham gia tố tụng là có cơ sở.

[3.2] Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn: Tại trang 10 Phán quyết trọng tài nhận định đã gửi giấy triệu tập hợp lệ cho nguyên đơn tham gia phiên họp

nhưng nguyên đơn vắng mặt và Hội đồng trọng tài đã giải quyết vắng mặt nguyên đơn. Xét thấy:

Khoản 1 Điều 56 Luật Trọng tài Thương mại 2010 về việc vắng mặt của các bên, quy định: "1.*Nguyên đơn đã được triệu tập hợp lệ tham dự phiên họp giải quyết tranh chấp mà vắng mặt không có lý do chính đáng hoặc rời phiên họp giải quyết tranh chấp mà không được Hội đồng trọng tài chấp thuận thì bị coi là đã rút đơn khởi kiện. Trong trường hợp này, Hội đồng trọng tài tiếp tục giải quyết tranh chấp nếu bị đơn có yêu cầu hoặc có đơn kiện lại. 2. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham dự phiên họp giải quyết tranh chấp mà vắng mặt không có lý do chính đáng hoặc rời phiên họp giải quyết tranh chấp mà không được Hội đồng trọng tài chấp thuận thì Hội đồng trọng tài vẫn tiếp tục giải quyết tranh chấp căn cứ vào tài liệu và chứng cứ hiện có. 3. Theo yêu cầu của các bên, Hội đồng trọng tài có thể căn cứ vào hồ sơ để tiến hành phiên họp giải quyết tranh chấp mà không cần sự có mặt của các bên";*

Khoản 1 Điều 32 về việc vắng mặt của các bên, Quy tắc Trọng tài Trung tâm Trọng tài Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh quy định: "*Nguyên đơn đã được triệu tập hợp lệ tham dự phiên họp giải quyết vụ tranh chấp mà vắng mặt không có lý do chính đáng hoặc rời phiên họp mà không được Hội đồng Trọng tài chấp thuận thì được coi là đã rút Đơn khởi kiện. Trong trường hợp này, Hội đồng Trọng tài chỉ tiếp tục giải quyết tranh chấp nếu Bị đơn có yêu cầu hoặc có Đơn kiện lại".*

Điểm c Khoản 1 Điều 29 về Đình chỉ giải quyết vụ tranh chấp, Quy tắc Trọng tài Trung tâm Trọng tài Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh quy định: "Nguyên đơn rút Đơn khởi kiện hoặc được coi là đã rút Đơn khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 32 của Quy tắc này...";

Căn cứ vào các quy định trên, lẽ ra Hội đồng trọng tài phải đình chỉ giải quyết các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Phán quyết trọng tài số 01/2022/PQ-TT ngày 04/01/2022 của Trung tâm Trọng tài Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh đã xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và quyết định: "1. Không chấp nhận Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 06/06/2019/HĐHT vô hiệu toàn bộ theo yêu cầu của Công ty T. 2. Không chấp nhận yêu cầu của Công ty T, đó là hoàn trả số tiền 40.000.000.000 đồng (Bốn mươi tỷ đồng) cho Công ty P" là vi phạm các điều luật đã viện dẫn nêu trên.

[3.3] Căn cứ yêu cầu hủy Phán quyết trọng tài, người yêu cầu cho rằng Phán quyết trọng tài số 01/2022/PQ-TT ngày 04/01/2022 của Hội đồng Trọng tài thuộc Trung tâm Trọng tài Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh trái với nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam. Xét thấy: Tại thời điểm ký Hợp đồng hợp tác đầu tư

số 06/06/2019/HĐHT ngày 06/06/2019 giữa Công ty T với Công ty P, hai bên thống nhất thỏa thuận Công ty T sẽ góp vốn bằng quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, quyền sử dụng đất mà Công ty T đưa vào để hợp tác đầu tư tại Hợp đồng trên đang thuộc quyền sử dụng của ông Lê TT và ông Tới vẫn chưa thực hiện xong các nghĩa vụ tài chính, điều này thể hiện rõ tại Phần IV của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM569084 do Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh cấp ngày 27/8/2018 cụ thể: "Nợ lệ phí trước bạ: 85.272.264 đồng (tám mươi lăm triệu, hai trăm bảy mươi hai ngàn, hai trăm sáu mươi bốn đồng chẵn) và tiền sử dụng đất 18.333.317.880 đồng (mười tám tỷ, ba trăm ba mươi ba triệu, ba trăm mười bảy ngàn, tám trăm tám mươi đồng chẵn) theo Phiếu chuyển số 14759/PC-LPTB ngày 24/10/2018 của Chi cục thuế quận Bình Thạnh". Việc ông Tới chưa thực hiện xong nghĩa vụ tài chính thì theo quy định của Luật Đất đai ông Tới không được phép thực hiện các quyền nêu trên, trong đó có quyền góp vốn bằng quyền sử dụng đất. Ông Tới đã ký hợp đồng góp vốn bằng quyền sử dụng đất với Công ty T (Hợp đồng số 04/HĐ ngày 15/8/2005) và lại ủy quyền cho Công ty T (Phụ lục hợp đồng số 05/HĐ ngày 20/5/2019) thực hiện các quyền của người sử dụng đất để ký Hợp đồng hợp tác đầu tư số 06/06/2019/HĐHT ngày 06/6/2019 với Công ty P góp vốn bằng quyền sử dụng đất là trái với quy định và vi phạm điều cấm của pháp luật. Khoản 1 Điều 168 Luật Đất đai năm 2013 (được sửa đổi, bổ sung năm 2018) quy định người sử dụng đất được thực hiện các quyền: "*Chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thế chấp, góp vốn quyền sử dụng đất khi có Giấy chứng nhận… Trường hợp người sử dụng đất được chậm thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc được ghi nợ nghĩa vụ tài chính thì phải thực hiện xong nghĩa vụ tài chính trước khi thực hiện các quyền nêu trên"* và Điều 123 Bộ luật dân sự quy định giao dịch dân sự vô hiệu do vi phạm điều cấm của luật như sau: "*Giao dịch dân sự có mục đích, nội dung vi phạm điều cấm của luật, trái với đạo đức xã hội thì vô hiệu.Điều cấm của luật là những quy định của luật không cho phép chủ thể thực hiện những hành vi nhất định"*.

[3.4] Như vậy, phán quyết nêu trên đã trái với quy định và vi phạm điều cấm của pháp luật Việt Nam, vi phạm Khoản 1 Điều 168 Luật Đất đai năm 2013 (được sửa đổi, bổ sung năm 2018); Khoản 1 Điều 56 Luật Trọng tài Thương Mại 2010; Điểm c Khoản 1 Điều 29 và Khoản 1Điều 32 của Quy tắc trọng tài TRACENT. Căn cứ Khoản 2 Điểm đ Điều 68 Luật Trọng tài thương mại 2010, có cơ sở chấp nhận yêu cầu hủy phán quyết trọng tài của Công ty T.

[3.5] Tại phiên họp hôm nay, đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu về việc hủy phán quyết trọng tài của Công ty T. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét đơn nên chấp nhận.

[4] Về lệ phí: Căn cứ Khoản 3 Điều 39 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành thì trường hợp yêu cầu hủy phán quyết trọng tài phải chịu lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, trong phần danh mục lệ phí Tòa án thì lại không quy định rõ đối với loại việc yêu cầu hủy phán quyết trọng tài lệ phí là bao nhiêu. Vì vậy, người yêu cầu Công ty T không phải chịu lệ phí.

Bởi các lẽ trên,

Căn cứ Khoản 2 Điều 31, Điểm b Khoản 1 Điều 37; Điểm a Khoản 3 Điều 38; Điểm o Khoản 2 Điều 39, Khoản 3 Điều 414 và Điều 415 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Khoản 2, Khoản 3 Điều 7, Khoản 1 Điều 56, Điều 68, Khoản 1 Điều 69, Điều 71, Điều 72 Luật Trọng tài thương mại 2010;

Căn cứ Khoản 1 Điều 168 Luật Đất đai năm 2013 (được sửa đổi, bổ sung năm 2018);

Căn cứ Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP ngày 20/3/2014 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định Luật Trọng tài Thương mại.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Hủy Phán quyết Trọng tài 01/2022/PQ-TT ngày 04/01/2022 của Hội đồng trọng tài thuộc Trung tâm Trọng tài Thương mại Thành Phố Hồ Chí Minh.

2. Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Du lịch quảng cáo khách sạn T không phải chịu lệ phí.

3. Quyết định này là quyết định cuối cùng và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, tức ngày 09 tháng 5 năm 2022. Các bên, Hội đồng Trọng tài không có quyền khiếu nại, kháng cáo, Viện Kiểm sát không có quyền kháng nghị.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao;
- VKSND Cấp cao;
- VKSND TPHCM;
- Cục THADS TPHCM;
- Hội đồng trọng tài;
- Các bên đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT ĐƠN YÊU CẦU
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Thùy Dung